

Số: 1256 /TT-UBND

Gia Lai, ngày 15 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí
đăng ký cư trú áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND

TỈNH GIA LAI

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ Sáu.

ĐẾN Số: 3488

Ngày: 16/6/2022

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015.

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020.

Căn cứ Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

Căn cứ Nghị định số 62/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29 tháng 6 năm 2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Cư trú.

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Kỳ họp thứ Sáu xem xét ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, gồm các nội dung sau:

I. Sự cần thiết ban hành văn bản

Căn cứ Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú; Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12

năm 2016 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp chứng minh nhân dân áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây gọi là Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND). Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND quy định lệ phí đăng ký cư trú, cấp chứng minh nhân dân khi công dân thực hiện các thủ tục như: đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú; cấp mới, cấp lại, cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú cho hộ gia đình, cho cá nhân; điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, gia hạn tạm trú; cấp lần đầu, cấp lại, cấp đổi chứng minh nhân dân.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Cư trú năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2021. Theo đó, Luật Cư trú năm 2020 đã bãi bỏ toàn bộ các thủ tục về cấp đổi, cấp lại sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú. Ngày 29/6/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Cư trú. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 và thay thế Nghị định số 31/2014/NĐ-CP.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Thông tư này thay thế Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Ngày 26 tháng 11 năm 2021, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 106/2021/TT-BTC về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC. Theo đó, tại điểm đ khoản 3 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC quy định như sau:

“Lệ phí đăng ký cư trú đối với việc đăng ký và quản lý cư trú gồm: Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người, gia hạn tạm trú, tách hộ, điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú, xác nhận thông tin về cư trú. Việc đăng ký tạm trú theo danh sách, gia hạn tạm trú theo danh sách thì lệ phí đăng ký được tính với từng cá nhân như đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú cho một người”

Như vậy, so với Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai thì quy định mới giữ nguyên nội dung thu lệ phí “*Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú*” và bổ sung thêm nội dung thu lệ phí “*Điều chỉnh thông tin về cư trú trong cơ sở dữ liệu về cư trú, xác nhận thông tin về cư trú, tách hộ*”.

Căn cứ Điều 2 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định “*Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*”. Do đó, đề nghị bãi bỏ lệ phí cấp chứng minh nhân dân được quy định tại Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND.

Để đáp ứng với tình hình thực tiễn và phù hợp với các văn bản pháp luật thì việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu, đối tượng miễn, kê khai, nộp lệ phí đăng ký cư trú áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai thay thế Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND là cần thiết.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng Nghị quyết

1. Mục đích

Quy định mức thu, đối tượng thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai phù hợp với quy định tại Luật Cư trú và Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và tình hình thực tế tại địa phương.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

a) Việc xây dựng Nghị quyết bám sát đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước quy định về lệ phí cư trú.

b) Đảm bảo sự phù hợp về thẩm quyền ban hành Nghị quyết; trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành Nghị quyết theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

III. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Giao cho Sở Tài chính chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết lấy ý kiến bằng văn bản của các sở, ngành, đơn vị có liên quan, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh; tổng hợp ý kiến góp ý, gửi Sở Tư pháp thẩm định hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo đúng quy trình). Thời gian đăng tải Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh từ ngày 04 tháng 4 năm 2022 đến ngày 04 tháng 5 năm 2022 (<https://gialai.gov.vn/pages/dong-gop-du-thao-van-ban.aspx?ItemID=128>).

IV. Bố cục và nội dung cơ bản của Nghị quyết

1. Bố cục: Nghị quyết gồm 05 điều.

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết:

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2.2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan quản lý cư trú trực tiếp thực hiện việc đăng ký cư trú của công dân, bao gồm: Công an xã, phường, thị trấn (sau đây viết là cơ quan đăng ký cư trú).

b) Người được cơ quan đăng ký cư trú giải quyết việc đăng ký cư trú theo quy định pháp luật về cư trú (sau đây viết là người nộp lệ phí đăng ký cư trú).

c) Cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

2.3. Mức thu lệ phí

a) Các thủ tục thu lệ phí bao gồm:

- Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người;

- Đăng ký tạm trú theo danh sách;

- Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú;

- Gia hạn tạm trú cả hộ hoặc một người, tách hộ, xác nhận thông tin về cư trú;

- Gia hạn tạm trú theo danh sách.

b) Về mức thu lệ phí

b.1) Đề xuất mức thu lệ phí

- Mức thu lệ phí đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người, gia hạn tạm trú cả hộ hoặc một người: giữ nguyên mức thu như Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND.

- Mức thu đăng ký tạm trú theo danh sách, gia hạn tạm trú theo danh sách: đề xuất bằng với mức thu đăng ký tạm trú một người hoặc gia hạn tạm trú một người như Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND nhân với số người trong danh sách. Lý do: Tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung tại điểm đ khoản 3 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC) quy định: “Việc đăng ký tạm trú theo danh sách, gia hạn tạm trú theo danh sách thì lệ phí đăng ký được tính với từng cá nhân như đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú cho một người.”.

- Mức thu lệ phí điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú, tách hộ, xác nhận thông tin về cư trú: đề xuất bằng mức thu lệ phí gia hạn tạm trú như Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND.

Căn cứ Quyết định số 10695/QĐ-BCA ngày 25 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công an về việc phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cung cấp dịch vụ trên Cổng dịch vụ công Bộ Công an năm 2022. Theo Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng về dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Công an tỉnh đang triển khai phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tích hợp thủ tục đăng ký thường trú và đăng ký tạm trú vào hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

Mức thu lệ phí đăng ký cư trú đề xuất được áp dụng chung trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp và trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến. Quá trình xây dựng Đề án lệ phí cư trú đã có sự cân nhắc các tiêu chí như:

+ Mức thu lệ phí cư trú hiện hành.

+ Miễn, giảm lệ phí cư trú theo đúng quy định của pháp luật (quy định tại Luật Cư trú, Luật Phí và lệ phí).

+ Mức thu lệ phí cư trú đề xuất được giữ nguyên như mức thu trước đây đã được áp dụng trong thời gian dài, đảm bảo thu ngân sách và phù hợp với tình hình của địa phương sau khi dịch Covid 19 kéo dài ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân.

+ Mức thu lệ phí cư trú đề xuất không quá cao, do đó việc áp dụng mức thu lệ phí cư trú chung trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp và trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến là phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của tỉnh Gia Lai.

+ Qua tham khảo các tỉnh, thành phố như: Bắc Ninh (Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2022), Tuyên Quang (Nghị quyết số

04/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2022)... chưa quy định mức thu lệ phí trực tuyến trong lĩnh vực cư trú, mức thu được áp dụng chung.

Vì vậy, mức lệ phí cư trú được xây dựng theo Nghị quyết này là phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Mức thu cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu			
			Tại các phường thuộc TP.Pleiku		Tại các xã thuộc thành phố Pleiku; huyện, thị xã	
			Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết mới	Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết mới
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người	đồng/lần	20.000	20.000	10.000	10.000
2	Đăng ký tạm trú theo danh sách	đồng/người/lần đăng ký		20.000		10.000
3	Gia hạn tạm trú cả hộ hoặc một người	đồng/lần	8.000	8.000	4.000	4.000
4	Gia hạn tạm trú theo danh sách	đồng/người/lần gia hạn		8.000		4.000
5	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú	đồng/lần		8.000		4.000
6	Tách hộ, xác nhận thông tin về cư trú	đồng/lần		8.000		4.000
7	Cấp mới, cấp lại, cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú cho hộ gia đình, cho cá nhân	đồng/lần	20.000	Thủ tục này đã bãi bỏ theo Điều 38 của Luật Cư trú năm 2020	10.000	Thủ tục này đã bãi bỏ theo Điều 38 của Luật Cư trú năm 2020
8	Điều chỉnh những thay đổi trong Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú	đồng/lần	8.000	Thủ tục này đã bãi bỏ theo Điều 38 của Luật Cư trú năm 2020	4.000	Thủ tục này đã bãi bỏ theo Điều 38 của Luật Cư trú năm 2020

b.2) So sánh mức thu lệ phí cư trú

Mức thu lệ phí của tỉnh Gia Lai khá tương đồng với các tỉnh như Bắc Ninh, Tuyên Quang.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu					
			Tại các phường thuộc thành phố			Tại các xã thuộc thành phố; huyện, thị xã		
			Gia Lai	Bắc Ninh	Tuyên Quang	Gia Lai	Bắc Ninh	Tuyên Quang
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người	đồng/lần	20.000	20.000	15.000	10.000	10.000	10.000
2	Đăng ký tạm trú theo danh sách	đồng/người/lần đăng ký	20.000	20.000	15.000	10.000	10.000	10.000
3	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú	đồng/lần	8.000	10.000	5.000	4.000	5.000	2.000
4	Tách hộ	đồng/lần	8.000	12.000	10.000	4.000	6.000	5.000
5	Xác nhận thông tin về cư trú	đồng/lần	8.000	12.000	4.000	4.000	6.000	2.000
6	Gia hạn tạm trú cả hộ hoặc một người	đồng/lần	8.000	10.000	6.000	4.000	5.000	3.000
7	Gia hạn tạm trú theo danh sách	đồng/người/lần gia hạn	8.000	10.000	6.000	4.000	5.000	3.000

2.4. Đối tượng được miễn lệ phí đăng ký cư trú

Căn cứ Điều 10 Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015, đề xuất đối tượng được miễn lệ phí đăng ký cư trú như sau:

a) Trẻ em, người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Công dân thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú trong trường hợp thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc trường hợp có sai sót do lỗi của cơ quan đăng ký cư trú.

2.5. Kê khai, nộp lệ phí đăng ký cư trú

Người nộp lệ phí đăng ký cư trú thực hiện kê khai, nộp lệ phí đăng ký cư trú theo từng lần phát sinh.

(Có dự thảo nghị quyết kèm theo).

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ
Sáu xem xét, quyết định./.

Noi nhận: ✓

- Như trên;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch, các đ/c PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Công an tỉnh;
- Đ/c CVP, các đ/c PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NC, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Phước Thành

Số: /2022/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú
trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cư trú;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban ... Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan quản lý cư trú trực tiếp thực hiện việc đăng ký cư trú của công dân, bao gồm: Công an xã, phường, thị trấn (sau đây viết là cơ quan đăng ký cư trú).

b) Người được cơ quan đăng ký cư trú giải quyết việc đăng ký cư trú theo quy định pháp luật về cư trú (sau đây viết là người nộp lệ phí đăng ký cư trú).

c) Cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức thu lệ phí đăng ký cư trú

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	
			Tại các phường thuộc thành phố Pleiku	Tại các xã thuộc thành phố Pleiku; huyện, thị xã
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người	đồng/lần	20.000	10.000
2	Đăng ký tạm trú theo danh sách	đồng/người/lần đăng ký	20.000	10.000
3	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú	đồng/lần	8.000	4.000
4	Gia hạn tạm trú cả hộ hoặc một người, tách hộ, xác nhận thông tin về cư trú	đồng/lần	8.000	4.000
5	Gia hạn tạm trú theo danh sách	đồng/người/lần gia hạn	8.000	4.000

Điều 3. Đối tượng được miễn lệ phí đăng ký cư trú

a) Trẻ em, người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Công dân thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú trong trường hợp thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc trường hợp có sai sót do lỗi của cơ quan đăng ký cư trú.

Điều 4. Kê khai, nộp lệ phí đăng ký cư trú

Người nộp lệ phí đăng ký cư trú thực hiện kê khai, nộp lệ phí đăng ký cư trú theo từng lần phát sinh.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.
2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày ... tháng ... năm ... và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ...; thay thế Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp chứng minh nhân dân áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Noi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên

Số: 891 /STP-NV1

Gia Lai, ngày 03 tháng 6 năm 2022

V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết
quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ
phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh
Gia Lai

Kính gửi: Sở Tài chính.

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 1674/STC-QLNS ngày 02/6/2022 của Sở Tài chính về việc thẩm định văn bản.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây viết là dự thảo văn bản) và các tài liệu khác kèm theo Văn bản số 1674/STC-QLNS, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

Thống nhất phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo văn bản.

II. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH HỢP HIỆN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THÔNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Căn cứ khoản 2 Điều 4, khoản 4 Điều 10, khoản 1 Điều 21 Luật Phí và lệ phí; khoản 1 Điều 3 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nội dung dự thảo văn bản bảo đảm phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

2. Thẩm quyền ban hành văn bản

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; khoản 2 Điều 4, khoản 4 Điều 10, khoản 1 Điều 21 Luật Phí và lệ phí; khoản 1 Điều 3 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, Hội

đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

3. Nội dung dự thảo văn bản

a) Tại phần căn cứ ban hành văn bản, căn cứ khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị bỏ căn cứ: “*Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015*”.

b) Tại điểm b khoản 2 Điều 1, đề nghị bổ sung nội dung “(*sau đây viết là người nộp lệ phí đăng ký cư trú*)” ở cuối điểm nhằm bảo đảm rõ ràng, chặt chẽ, thống nhất sử dụng từ ngữ với nội dung tại Điều 4.

c) Tại Điều 2

Tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung tại điểm đ khoản 3 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC) quy định: “*Việc đăng ký tạm trú theo danh sách, gia hạn tạm trú theo danh sách thì lệ phí đăng ký được tính với từng cá nhân như đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú cho một người*.”

Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị chỉnh sửa nội dung “*Đơn vị tính: đồng/lần*” bảo đảm chính xác, phù hợp.

d) Vấn đề khác

Điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 85/2019/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC) quy định:

“2. Xây dựng mức thu các khoản phí, lệ phí cần đảm bảo:

...

b) *Phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương nơi phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí. Mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp trực tuyến phù hợp để khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công theo phương thức trực tuyến.”*

Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị thuyết minh, làm rõ việc cung cấp dịch vụ công theo phương thức trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký cư trú (có hay không có việc cung cấp dịch vụ công theo phương thức trực tuyến); việc không xây dựng riêng mức thu lệ phí đăng ký cư trú đối với hoạt động cung cấp trực tuyến để khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công theo phương thức trực tuyến trong hồ sơ dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

III. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI VĂN BẢN ĐÃ GIAO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUY ĐỊNH CHI TIẾT

Nội dung dự thảo văn bản bảo đảm phù hợp với quy định tại Luật Phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.

IV. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Đề nghị đối chiếu dự thảo văn bản với mẫu số 16 phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; chỉnh sửa một số lỗi về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản như:

1. Đánh số thứ tự dự thảo văn bản theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

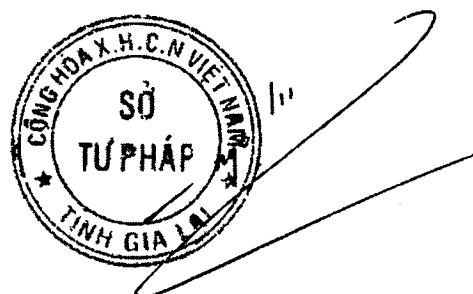
2. Tại Điều 3: Trình bày số thứ tự các khoản dùng chữ số Ả Rập, sau số thứ tự có dấu chấm (.), cỡ chữ số bằng cỡ chữ của phần lời văn từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng; ...

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo văn bản. Dự thảo văn bản đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Đề nghị Sở Tài chính nghiên cứu các ý kiến tại Văn bản này; chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo văn bản; giải trình việc tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NV1.

GIÁM ĐỐC



Lê Thị Ngọc Lam

Số: 193/TTr-STC

Gia Lai, ngày 06 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v xây dựng Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 62/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29 tháng 6 năm 2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Cư trú;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 01/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh V/v xây dựng các Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về phí và lệ phí áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sở Tài chính đã dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai và lấy ý kiến bằng văn bản của các Sở, ngành, đơn vị có liên quan, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh; tổng

hợp và điều chỉnh theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 891/STP-NV1 ngày 03/6/2022.

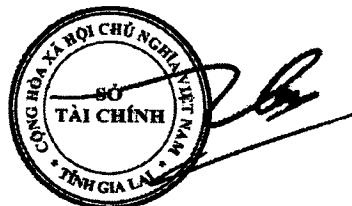
(Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai kèm theo)

Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD & PGD;
- Lưu: VT, QLNS.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Dũng

BẢN TỔNG HỢP

Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Kèm theo Tờ trình số 193/TTr-STC ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Giám đốc Sở Tài chính)

Thực hiện khoản 36 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ngày 03/6/2022, Sở Tư pháp có Công văn số 891/STP-NV1 về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Sở Tài chính báo cáo việc tiếp thu ý kiến thẩm định tại Công văn số 891/STP-NV1 như sau:

Văn bản thẩm định	Ý kiến thẩm định	Giải trình việc tiếp thu ý kiến thẩm định
Công văn số 891/STP-NV1 ngày 03/6/2022 của Sở Tư pháp	<p>1. Tại phần căn cứ ban hành văn bản</p> <p>Căn cứ khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị bỏ căn cứ: “Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015”.</p> <p>2. Tại điểm b khoản 2 Điều 1</p> <p>Đề nghị bổ sung nội dung “(sau đây viết là người nộp lệ phí đăng ký cư trú)” ở cuối điểm nhằm bảo đảm rõ ràng, chặt chẽ, thống nhất sử dụng từ ngữ với nội dung tại Điều 4.</p> <p>3. Tại Điều 2</p> <p>Tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung tại điểm đ khoản 3 Điều 1 Thông tư số</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu ý kiến thẩm định. - Căn cứ Quyết định số 10695/QĐ-BCA ngày 25/12/2021 của Bộ Công an V/v Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cung cấp dịch vụ trên Cổng dịch vụ công Bộ Công an năm 2022. Thực hiện Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 26/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh V/v triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng về dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Công an tỉnh đang triển khai

Văn bản thẩm định	Ý kiến thẩm định	Giải trình việc tiếp thu ý kiến thẩm định
	<p>106/2021/TT-BTC) quy định: “Việc đăng ký tạm trú theo danh sách, gia hạn tạm trú theo danh sách thì lệ phí đăng ký được tính với <u>từng cá nhân</u> như đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú <u>cho một người</u>.”</p> <p>Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị chỉnh sửa nội dung “Đơn vị tính: đồng/lần” bảo đảm chính xác, phù hợp.</p> <p>4. Đề nghị đổi chiều dự thảo văn bản với mẫu số 16 phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; chỉnh sửa một số lỗi về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản như:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đánh số thứ tự dự thảo văn bản theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. 2. Tại Điều 3: Trình bày số thứ tự các khoản dùng chữ số Ả Rập, sau số thứ tự có dấu chấm (.), cỡ chữ số bằng cỡ chữ của phần lời văn từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng; ... <p>5. Điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 85/2019/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC) quy định:</p> <p>“2. Xây dựng mức thu các khoản phí, lệ phí cần đảm bảo: ...</p>	<p>phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tích hợp thủ tục đăng ký thường trú và đăng ký tạm trú vào hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>Mức thu lệ phí cư trú đề xuất được áp dụng chung trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp và trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến. Quá trình xây dựng Đề án lệ phí cư trú đã có sự cân nhắc các tiêu chí như:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mức thu lệ phí cư trú hiện hành. + Miễn, giảm lệ phí cư trú theo đúng quy định của pháp luật (quy định tại Luật Cư trú, Luật Phí và lệ phí). + Mức thu lệ phí cư trú đề xuất được giữ nguyên như mức thu trước đây đã được áp dụng trong thời gian dài, đảm bảo thu ngân sách và phù hợp với tình hình của địa phương sau khi dịch Covid 19 kéo dài ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân. + Mức thu lệ phí cư trú đề xuất không quá cao, do đó việc áp dụng mức thu lệ phí cư trú chung trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp và trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến

Văn bản thẩm định	Ý kiến thẩm định	Giải trình việc tiếp thu ý kiến thẩm định
	<p><i>b) Phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương nơi phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí. Mức thu phí, lệ phí đối với <u>hoạt động cung cấp trực tuyến phù hợp để khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công theo phương thức trực tuyến.</u>"</i></p> <p>Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị thuyết minh, làm rõ việc cung cấp dịch vụ công theo phương thức trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký cư trú (có hay không có việc cung cấp dịch vụ công theo phương thức trực tuyến); việc không xây dựng riêng mức thu lệ phí đăng ký cư trú đối với hoạt động cung cấp trực tuyến để khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công theo phương thức trực tuyến trong hồ sơ dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh.</p>	<p>là phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của tỉnh Gia Lai.</p> <p>+ Qua tham khảo các tỉnh, thành phố như: Bắc Ninh (Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND ngày 30/3/2022), Tuyên Quang (Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 14/3/2022)... chưa quy định mức thu lệ phí trực tuyến trong lĩnh vực cư trú, mức thu được áp dụng chung.</p> <p>Vì vậy, mức lệ phí cư trú được xây dựng theo Nghị quyết này là phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</p>

BẢNG TỔNG HỢP CÁC Ý KIẾN GÓP Ý

(Kèm theo Tờ trình số 193/TTr-STC ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Giám đốc Sở Tài chính)

Dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh từ ngày 04/4/2022 đến ngày 04/5/2022 (<https://gialai.gov.vn/pages/dong-gop-du-thao-van-ban.aspx?ItemID=128>).

STT	ĐƠN VỊ	Ý KIẾN	Ghi chú
A	Các đơn vị tham gia góp ý		
1	Ban Dân tộc	Thống nhất	
2	Cục Thuế tỉnh Gia Lai	Thống nhất	
3	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Gia Lai	Thống nhất	
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thống nhất	
5	Sở Giao thông Vận tải	Thống nhất	
6	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống nhất	
7	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Thống nhất	
8	Sở Ngoại vụ	<p>Tại khoản 1 và khoản 4 dự thảo Tờ trình: Đề nghị bổ sung nội dung quy định bãi bỏ "mức thu lệ phí cấp chứng minh nhân dân" tại Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, với căn cứ pháp lý được xác định theo Điều 2 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019, Quyết định số 5947/QĐ-BCA-C06 ngày 19/7/2021 của Bộ Công an về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực cấp, quản lý căn cước công dân và lĩnh vực cấp, quản lý chứng minh nhân dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an không phải là căn cứ để rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 142 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.</p> <p>Tại dự thảo Tờ trình đề nghị gộp nội dung tại khoản 4 vào khoản 3 cho phù hợp với bộ cục văn bản</p> <p>Tại điểm 3.6 khoản 3 dự thảo Tờ trình: Đề nghị bổ sung căn cứ pháp lý xác định các đối tượng được miễn lệ phí đăng ký cư trú.</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa</p> <p>Dự thảo Nghị quyết mới ban hành thay thế Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai nên không cần bổ sung thêm nội dung bãi bỏ lệ phí cấp chứng minh nhân dân.</p>
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thống nhất	
10	Sở Nội vụ	Thống nhất	
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thống nhất	
12	Sở Thông tin và Truyền thông	Thống nhất	
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thống nhất	

STT	ĐƠN VỊ	Ý KIẾN	Ghi chú
14	Sở Xây dựng	Thống nhất	
15	UBND thị xã Ayun Pa	Thống nhất	
15	UBND huyện Chư Prông	<p>Đề nghị điều chỉnh căn cứ "Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính..." thành "Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính..." tại dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND tỉnh.</p> <p>Đề nghị điều chỉnh căn cứ "Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính..." thành "Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính..." tại mục 1, dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh.</p> <p>Đề nghị điều chỉnh nội dung "Bộ Công an công bố bối bối các thủ tục hành chính" thành nội dung "Bộ trưởng Bộ Công an công bố bối bối các thủ tục hành chính" tại mục 1, dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh.</p> <p>Đề nghị điều chỉnh cụm từ "Bộ Tài chính ban hành Thông tư số..." thành cụm từ "Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số..." tại mục 1, dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh.</p> <p>Đề nghị điều chỉnh nội dung "Quyết định số 5548/QĐ-BCA-C06 ngày 06/7/2021 của Bộ Công an" thành "Quyết định số 5548/QĐ-BCA-C06 ngày 06/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an" tại mục 2, dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh.</p> <p>Đề nghị điều chỉnh cụm từ "Cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú" thành cụm từ "Cơ sở dữ liệu về cư trú" tại điểm a, mục 3.5 dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh.</p>	Dã tiếp thu và chỉnh sửa
17	UBND huyện Đăk Pơ	Thống nhất	
18	UBND huyện Ia Grai	Thống nhất	
19	UBND huyện Ia Pa	Thống nhất	
20	UBND huyện Kbang	Thống nhất	
21	UBND huyện König Chro	Thống nhất	
22	UBND huyện Mang Yang	Thống nhất	
23	UBND thành phố Pleiku	<p>Căn cứ vào số lượng hồ sơ thực tế phát sinh trên địa bàn thành phố Pleiku từ 01/7/2021 cho đến nay, đề nghị xem xét, bổ sung danh mục, điều chỉnh mức thu lệ phí cư trú như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức thu lệ phí tách hộ: tăng từ 8.000 đồng/lần lên 20.000 đồng/lần tại khu vực phường nội thành thuộc thành phố Pleiku, tăng từ 4.000 đồng/lần lên 10.000 đồng/lần tại các khu vực khác. - Mức thu lệ phí điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú: tăng từ 8.000 đồng/lần lên 10.000 đồng/lần tại khu vực phường nội thành thuộc thành phố Pleiku, tăng từ 4.000 đồng/lần lên 5.000 đồng/lần tại các khu vực khác. - Mức thu lệ phí gia hạn tạm trú, xác nhận thông tin về cư trú: tăng từ 8.000 đồng/lần lên 10.000 đồng/lần tại khu vực phường nội thành thuộc thành phố Pleiku, tăng từ 4.000 đồng/lần lên 5.000 đồng/lần tại các khu vực khác. 	Công an tỉnh đã có văn bản số 574/CAT-PC06 ngày 06/5/2022 V/v trả lời ý kiến của UBND thành phố Pleiku như sau: Các nội dung thu phí này được thực hiện đơn giản, do dữ liệu do Công an xã, phường, thị trấn nơi công dân cư trú trực tiếp quản lý, không cần phải có sự phối hợp của Công an xã, phường, thị trấn nơi khác. Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku chỉ dựa vào số lượng hồ sơ phát sinh trên địa bàn thành phố Pleiku để đề nghị mức thu lệ phí là chưa phù hợp, chưa đủ căn cứ.
24	UBND huyện Đức Cơ	Thống nhất	

STT	ĐƠN VỊ	Ý KIẾN	Ghi chú
25	UBND thị xã An Khê	Thống nhất	
26	UBND huyện Phú Thiện	Thống nhất	
II	Các đơn vị không tham gia góp ý		
1	Sở Công thương	Không có văn bản góp ý	
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không có văn bản góp ý	
3	Sở Y tế	Không có văn bản góp ý	
4	UBMT Tổ quốc Việt Nam	Không có văn bản góp ý	
5	Đài Phát thanh và Truyền hình	Không có văn bản góp ý	
6	Điện lực Gia Lai	Không có văn bản góp ý	
7	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tinh Gia Lai	Không có văn bản góp ý	
8	Ban Quản lý Khu kinh tế	Không có văn bản góp ý	
9	Báo Gia Lai	Không có văn bản góp ý	
10	BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tinh	Không có văn bản góp ý	
11	BQL Dự án ĐTXD các Công trình Giao thông	Không có văn bản góp ý	
12	BQL Dự án ĐTXD các công trình NN và PT nông thôn tinh	Không có văn bản góp ý	
13	Cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum	Không có văn bản góp ý	
14	Hội Chữ thập đỏ tinh	Không có văn bản góp ý	
15	Hội Nông dân	Không có văn bản góp ý	
16	Hội Cựu chiến binh	Không có văn bản góp ý	
17	Liên đoàn Lao động tinh	Không có văn bản góp ý	
18	Liên minh các Hợp tác xã	Không có văn bản góp ý	
19	Quỹ Bảo vệ phát triển rừng tinh	Không có văn bản góp ý	
20	Tỉnh Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Không có văn bản góp ý	
21	Thanh tra tinh	Không có văn bản góp ý	
22	Văn phòng Ban An toàn giao thông tinh	Không có văn bản góp ý	
23	UBND huyện Chư Puh	Không có văn bản góp ý	
24	UBND huyện Đak Đoa	Không có văn bản góp ý	
25	UBND huyện Chư Păh	Không có văn bản góp ý	
26	UBND huyện Chư Sê	Không có văn bản góp ý	
27	UBND huyện Krông Pa	Không có văn bản góp ý	

Số: 118 /NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 01 tháng 6 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc xây dựng các Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định
về phí và lệ phí áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 986/TTr-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2022 về đề nghị xây dựng các Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về phí và lệ phí áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo số 87/BC-BPC ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp ngày 31 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận đề UBND tỉnh xây dựng các dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về phí và lệ phí áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, gồm 08 nội dung (có phụ lục kèm theo).

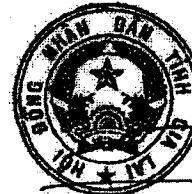
Điều 2. Các Ban HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT-HĐND.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH
CHỦ TỊCH**



Hồ Văn Niên



HOÀ ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 118/NQ-HĐND
ngày 01/6/2022 của Thường trực HĐND tỉnh)

STT	TÊN DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	GHI CHÚ
01	Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; phí đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	
02	Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	
03	Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	
04	Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	
05	Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	
06	Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	
07	Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu phí	

	sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh.	
08	Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	

Số: 50/2016/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 08 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

VỀ VIỆC QUY ĐỊNH MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, NỘP LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ CƯ TRÚ VÀ LỆ PHÍ CẤP CHỨNG MINH NHÂN DÂN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/4/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 5431/TTr-UBND ngày 24/11/2016 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp chứng minh nhân dân áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể:

1. Đối tượng thu, nộp lệ phí:

a) Người nộp lệ phí đăng ký cư trú là người đăng ký cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

b) Người nộp lệ phí cấp chứng minh nhân dân là người được cơ quan công an cấp chứng minh nhân dân.

c) Cơ quan, đơn vị thu lệ phí: là cơ quan, đơn vị thực hiện hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về đăng ký cư trú và cấp chứng minh nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Mức thu:

a) Mức thu lệ phí đăng ký cư trú:

STT	Lệ phí đăng ký cư trú	Mức thu	
		Tại khu vực phường nội thành thuộc thành phố Pleiku	Tại các khu vực khác
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.	20.000 đồng/lần cấp	10.000 đồng/lần cấp
2	Cấp mới, cấp lại, cấp đổi sổ hộ khẩu; sổ tạm trú cho hộ gia đình, cho cá nhân.	20.000 đồng/lần cấp	10.000 đồng/lần cấp
3	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, gia hạn tạm trú.	8.000 đồng/lần điều chỉnh	4.000 đồng/lần điều chỉnh.

b) Mức thu lệ phí cấp chứng minh nhân dân:

Lệ phí cấp chứng minh nhân dân	Mức thu tại khu vực phường nội thành thuộc thành phố Pleiku	Mức thu tại các khu vực khác
Cấp lần đầu, cấp lại, cấp đổi chứng minh nhân dân (không bao gồm tiền ảnh của người được cấp chứng minh nhân dân)	9.000 đồng/lần cấp	5.000 đồng/lần cấp

3. Chế độ miễn lệ phí:

a) Miễn lệ phí đăng ký cư trú cấp đổi với cấp sổ hộ khẩu gia đình, sổ tạm trú do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính; cấp mới, cấp lại, cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú cho hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Miễn lệ phí cấp đổi chứng minh nhân dân do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính; cấp chứng minh nhân dân lần đầu, cấp lại, cấp đổi chứng minh nhân dân cho trẻ em, cá nhân thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Kê khai, thu, nộp lệ phí:

Cơ quan, đơn vị thu lệ phí thực hiện nộp toàn bộ số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo tháng, quyết toán lệ phí theo năm theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

Chứng từ thu lệ phí thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính hướng dẫn về in, phát hành quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai thực hiện.

Nghị quyết này thay thế nội dung quy định về lệ phí đăng ký cư trú và cấp chứng minh nhân dân tại Nghị quyết số 164/2016/NQ-HĐND ngày 30/3/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về lệ phí hộ tịch, đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XI, kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 08/12/2016 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VP Quốc hội;
- TTCP; VPCP;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các VP: Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- HĐND - UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ và CV Phòng Tổng hợp;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT-HĐND.

Dương Văn Trang

Số: 1083 /KH-UBND

Gia Lai, ngày 05 tháng 8 năm 2021

KẾ HOẠCH

Triển khai thi hành Luật Cư trú năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện Quyết định số 426/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Cư trú 2020 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt, phổ biến, tuyên truyền sâu rộng đến các cơ quan, đơn vị, cán bộ và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn nắm vững và thực hiện Luật Cư trú năm 2020 (sau đây gọi tắt là Luật) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã trong việc triển khai thi hành Luật.

3. Xác định nội dung công việc, thời gian thực hiện và trách nhiệm cụ thể của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, đơn vị liên quan. Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong việc triển khai thực hiện hiệu quả Luật trên địa bàn.

II. NỘI DUNG

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt triển khai Luật Cư trú và các văn bản hướng dẫn thi hành

1.1. Đăng tải nội dung Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành lên Cổng thông tin điện tử tỉnh để các cơ quan, đơn vị khai thác phục vụ công tác phổ biến, quán triệt, tuyên truyền.

- Đơn vị thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Thời gian thực hiện: Thực hiện thường xuyên, bắt đầu từ Quý III/2021.

1.2. Xây dựng phong sự tuyên truyền.

- Đơn vị thực hiện: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.
- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: Thực hiện thường xuyên.

1.3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt triển khai đến các cơ quan, đơn vị, địa phương nắm và thực hiện nghiêm các quy định của Luật và các văn bản

hướng dẫn thi hành; các quy định pháp luật khác có liên quan đến đăng ký, quản lý cư trú; trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định về đăng ký, quản lý cư trú và các quy định khác có liên quan đến cư trú của công dân.

- Đơn vị thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thời gian thực hiện: Thực hiện thường xuyên.

1.4. Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên sâu cho công chức, viên chức, chiến sĩ thuộc các cơ quan, đơn vị, nhất là nguồn nhân lực trực tiếp thực hiện công tác đăng ký, quản lý cư trú; quản trị, vận hành Cơ sở dữ liệu về cư trú tại địa phương.

- Đơn vị chủ trì: Công an tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thời gian thực hiện: Theo Kế hoạch của Bộ Công an.

2. Tham mưu UBND tỉnh đề xuất xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về điều kiện diện tích bình quân để đăng ký thường trú vào chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 20 Luật Cư trú năm 2020.

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh,

- Đơn vị phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tư pháp.

- Thời gian thực hiện: Quý IV/2021

3. Tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật ban hành áp dụng trên địa bàn tỉnh có liên quan đến Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, phí, lệ phí hoặc các quy định về yêu cầu xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú hoặc giấy tờ liên quan đến cư trú khi thực hiện các giao dịch, thủ tục hành chính; từ đó đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với các quy định của Luật Cư trú và các văn bản hướng dẫn thi hành

- Đơn vị thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thời gian thực hiện: Năm 2021 và năm 2022.

4. Tổ chức chứng thực, xác nhận các loại giấy tờ cho công dân thực hiện các thủ tục đăng ký, quản lý cư trú theo quy định.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện đầy đủ việc xác nhận, cung cấp các loại giấy tờ để công dân thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong đăng ký, quản lý cư trú theo quy định.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực, xác nhận các loại giấy tờ về chỗ ở hợp pháp, giấy tờ về chứng minh quan hệ nhân thân, giấy tờ xác nhận diện tích nhà ở đăng ký thường trú, giấy tờ xác nhận các điều

kiện đăng ký thường trú cho công dân theo quy định của Luật Cư trú và các văn bản hướng dẫn thi hành.

5. Tham gia ý kiến xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến thi hành Luật Cư trú năm 2020.

5.1. Tham gia ý kiến sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Cư trú năm 2020

- Đơn vị thực hiện: Công an tỉnh.
- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: Năm 2021 và các năm tiếp theo.

5.2. Tham gia ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật khác phù hợp với việc thi hành Luật Cư trú năm 2020

- Đơn vị thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia ý kiến theo lĩnh vực, địa bàn phụ trách.

- Thời gian thực hiện: Năm 2021 và các năm tiếp theo.

6. Tổ chức triển khai thực hiện kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu chuyên ngành; khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, khả năng, điều kiện để triển khai thực hiện việc kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực được giao quản lý theo hướng dẫn của Bộ Công an.

7. Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết khác phục vụ quản trị, vận hành Cơ sở dữ liệu về cư trú và triển khai Luật Cư trú có hiệu quả tại địa phương.

- Đơn vị thực hiện: Sở Tài chính phối hợp với Công an tỉnh thực hiện.
- Thời gian thực hiện: Thực hiện thường xuyên.

8. Tham mưu UBND tỉnh đề xuất xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về quy định về mức thu lệ phí cư trú phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính
- Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh, Sở Tư pháp.
- Thời gian thực hiện: Quý IV/2021.

9. Tổ chức kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tổ chức kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; bảo đảm Luật Cư trú được thực hiện nghiêm minh; góp phần giữ gìn trật tự kỷ cương xã hội, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về cư trú.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công và phạm vi quản lý, chủ động tổ chức triển khai thực hiện tại đơn vị, địa phương phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo tiến độ, chất lượng hiệu quả.

2. Giao Công an tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nội dung theo Kế hoạch; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Công an kết quả thực hiện theo quy định.

3. Quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Công an tỉnh) để xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Công an;
 - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
 - Công an tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành;
 - UBND các huyện, thị xã, thành phố;
 - Lưu: VT, NC.
- (để báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Thành

Gia Lai, ngày 12 tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO

Thẩm định Đề án thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

Sở Tài chính Thẩm định Đề án thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai
như sau:

I. Hồ sơ tài liệu thẩm định:

Đề án thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

II. Các căn cứ pháp lý để thẩm định

Căn cứ Luật Phí, lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi
tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh,
thành phố thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29
tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm
quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

III. Tổ chức thẩm định

Đơn vị thẩm định: Sở Tài chính.

IV. Ý kiến thẩm định

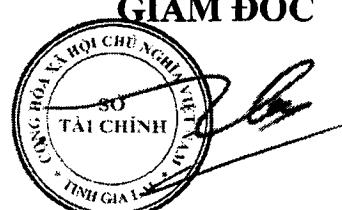
1. Sau khi nghiên cứu Đề án, Sở Tài chính nhận thấy đơn vị đã bám sát các quy
định của pháp luật về công tác thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh
Gia Lai.

2. Sở Tài chính thống nhất với nội dung Đề án thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa
bàn tỉnh Gia Lai.

Trên đây là kết quả Thẩm định Đề án thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh
Gia Lai./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp;
- Công an tỉnh;
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, P.TH.



Nguyễn Anh Dũng

ĐỀ ÁN

Thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015, Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật phí và lệ phí; Công an tỉnh xây dựng Đề án thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Căn cứ Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/4/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú; Thông tư số 250/2016/TT-BTC, ngày 11/11/2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp chứng minh nhân dân áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai (viết gọn là Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND).

Ngày 13/11/2020, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Cư trú năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2021, theo đó Luật Cư trú năm 2020 đã có nhiều sự thay đổi so với Luật Cư trú năm 2006, nhất là không quy định về cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú. Ngày 29/6/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Cư trú. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2021 và thay thế Nghị định số 31/2014/NĐ-CP.

Ngày 06/7/2021, Bộ trưởng Bộ Công an ký ban hành Quyết định số 5548/QĐ-BCA-C06 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực đăng ký cư trú và lĩnh vực xuất nhập cảnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an; ngày 19/7/2021, Bộ trưởng Bộ Công an ký ban hành Quyết định số 5947/QĐ-BCA-C06 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực cấp, quản lý Căn cước công dân và lĩnh vực cấp, quản lý Chứng minh nhân dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an. Theo đó, Bộ Công an công bố bãi bỏ các thủ tục hành chính như: cấp đổi, cấp lại sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, cấp, đổi, cấp lại Chứng minh nhân dân; ban hành mới một số thủ tục hành chính như: điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú, xác nhận thông tin về cư trú.

Ngày 29/11/2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư này thay thế Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính. Ngày 26/11/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 106/2021/TT-BTC về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC. Theo đó, tại Khoản 1, Điều 3 của Thông tư 85/2019/TT-BTC thì lệ phí đăng ký cư trú thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; tại điểm a, khoản 2, Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC, đã được sửa đổi bổ sung tại điểm đ, khoản 3, Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC quy định lệ phí đăng ký cư trú đối với việc đăng ký và quản lý cư trú gồm: Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người, gia hạn tạm trú, tách hộ, điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú, xác nhận thông tin về cư trú.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật, tình hình thực tiễn của địa bàn tỉnh hiện nay, Công an tỉnh đề xuất việc xây dựng Đề án thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cần thiết.

II. ĐỀ XUẤT BAN HÀNH MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ CƯ TRÚ MỚI

1. Phương thức cung cấp dịch vụ, thu lệ phí

1.1. Đăng ký cư trú trực tiếp

Công dân thực hiện đăng ký cư trú và nộp lệ phí trực tiếp tại cơ quan đăng ký cư trú: Công an xã, phường, thị trấn.

1.2. Đăng ký cư trú qua dịch vụ công trực tuyến

Công dân thực hiện đăng ký cư trú qua hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và thanh toán lệ phí trực tuyến theo Quyết định số 10695/QĐ-BCA ngày 25/12/2021 của Bộ Công an phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cung cấp trên Cổng dịch vụ công Bộ Công an năm 2022.

2. Dự kiến mức thu và căn cứ xây dựng mức thu lệ phí đăng ký cư trú

2.1. Dự kiến mức thu

STT	Nội dung	Mức thu	
		Các phường thuộc thành phố Pleiku	Tại các xã thuộc thành phố Pleiku; huyện, thị xã
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người	20.000	10.000

2	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú	8.000	4.000
3	Gia hạn tạm trú, tách hộ, xác nhận thông tin về cư trú	8.000	4.000

(Đơn vị tính: đồng/lần)

2.2. Căn cứ xây dựng mức thu

- Hiện tại, lệ phí cư trú được trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp chứng minh nhân dân áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai (viết gọn là Nghị quyết số 50); trong đó tại điểm a, khoản 2, Điều 1 quy định lệ phí đăng ký cư trú, cụ thể như sau:

STT	Lệ phí đăng ký cư trú	Mức thu	
		Tại khu vực phường nội thành thuộc thành phố Pleiku	Tại các khu vực khác
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.	20.000 đồng/lần cấp	10.000 đồng/lần cấp
2	Cấp mới, cấp lại, cấp đổi sổ hộ khẩu; sổ tạm trú cho hộ gia đình, cá nhân.	20.000 đồng/lần cấp	10.000 đồng/lần cấp
3	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, gia hạn tạm trú	8.000 đồng/lần điều chỉnh	4.000 đồng/lần điều chỉnh

- Luật Cư trú năm 2020 đã bỏ toàn bộ các thủ tục về cấp đổi, cấp lại sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, điều chỉnh những thay đổi trong Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính có Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, tại điểm đ khoản 3 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC quy định như sau:

"Lệ phí đăng ký cư trú đối với việc đăng ký và quản lý cư trú gồm: Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người, gia hạn tạm trú, tách hộ, điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú, xác nhận thông tin về cư trú.

Việc đăng ký tạm trú theo danh sách, gia hạn tạm trú theo danh sách thì lệ phí đăng ký được tính với từng cá nhân như đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú cho một người”

Như vậy, so với Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND, quy định mới giữ nguyên thu lệ phí “Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú” và bổ sung thêm nội dung thu lệ phí “Điều chỉnh thông tin về cư trú trong cơ sở dữ liệu về cư trú, xác nhận thông tin về cư trú, tách hộ”.

- So sánh mức thu lệ phí cư trú của tỉnh Gia Lai với các tỉnh thuộc khu vực Tây nguyên (các mức thu phí đều được ban hành trong năm 2020), cụ thể:

+ Lệ phí cư trú tại tỉnh Đăk Lăk :

TT	Nội dung thu lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu	
			Các phường thuộc TP.BMT	Các xã, thị trấn và các phường thuộc thị xã
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.	đồng/lần đăng ký	15.000	7.500
2	Cấp mới, cấp lại, cấp đổi sổ hộ khẩu; sổ tạm trú	đồng/lần cấp	20.000	10.000
2	Riêng cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú theo yêu cầu của chủ hộ vì lý do nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà	đồng/lần cấp	10.000	5.000
3	Điều chỉnh các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú (không thu lệ phí đối với các trường hợp điều chỉnh lại địa chỉ do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đường phố, số nhà; xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú).	đồng/lần điều chỉnh	8.000	4.000

+ Lệ phí cư trú tại tỉnh Lâm Đồng

TT	Nội dung công việc	Mức thu	
		Tại phường	Tại xã, thị trấn
1	Cấp lại, đổi sổ hộ khẩu; sổ tạm trú	20.000 đồng/lần đăng ký	10.000 đồng/lần đăng ký

2	Cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú theo yêu cầu của chủ hộ vì lý do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà	10.000 đồng/lần cấp	5.000 đồng/lần cấp
3	Điều chỉnh các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	8.000 đồng/lần đính chính	4.000 đồng/lần đính chính

+ Lệ phí cư trú tại tỉnh Đăk Nông

TT	Nội dung	Mức thu (đồng/lần)	
		Tại phường thuộc thành phố Gia Nghĩa	Tại xã, thị trấn
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	15.000	10.000
2	Cấp mới, cấp lại, cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú cho hộ gia đình, cá nhân	20.000	10.000
3	Điều chỉnh các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	10.000	5.000
4	Gia hạn tạm trú	10.000	5.000

+ Lệ phí cư trú tại tỉnh Kon Tum

TT	Nội dung thu lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu	
			Các phường	Tại các khu vực khác trên địa bàn
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.	đồng/lần đăng ký	15.000	7.500
2	Cấp mới, cấp lại, cấp đổi sổ hộ khẩu; sổ tạm trú	đồng/lần cấp	20.000	10.000

3	Cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú theo yêu cầu của chủ hộ vì lý do nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà	đồng/lần điều chỉnh	10.000	5.000
4	Điều chỉnh các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	đồng/lần điều chỉnh	8.000	4.000

Như vậy, các mức thu lệ phí của tỉnh Gia Lai khá tương đồng với các tỉnh Tây nguyên.

- Mức thu lệ phí cư trú theo Nghị quyết số 50 được áp dụng trong thời gian từ năm 2016 cho đến nay tạo sự đồng thuận cho người dân. Như vậy, các mức thu theo Nghị quyết số 50 vẫn đảm bảo cho người dân thực hiện các thủ tục hành chính, phù hợp với tình hình hiện nay trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở kế thừa Nghị quyết số 50 và tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh, nhất là ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đến tình hình kinh tế, xã hội của tỉnh, đời sống của nhân dân; căn cứ Luật Cư trú năm 2020, Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Công an tỉnh đề nghị giữ nguyên mức thu lệ phí đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người, gia hạn tạm trú như Nghị quyết số 50; mức thu lệ phí điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú, tách hộ, xác nhận thông tin về cư trú bằng mức thu lệ phí gia hạn tạm trú (các thủ tục này được thực hiện đơn giản, vì dữ liệu cư trú do Công an xã, phường, thị trấn nơi công dân cư trú trực tiếp quản lý, không cần phải có sự phối hợp của Công an xã, phường, thị trấn nơi khác).

3. Đối tượng nộp lệ phí và các trường hợp miễn thu lệ phí

3.1. Đối tượng nộp lệ phí

Người được cơ quan đăng ký cư trú giải quyết việc đăng ký cư trú theo quy định của pháp luật.

3.2. Đối tượng miễn thu lệ phí đăng ký cư trú

- Trẻ em, người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Công dân thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú trong trường hợp thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc trường hợp có sai sót do lỗi của cơ quan đăng ký cư trú.

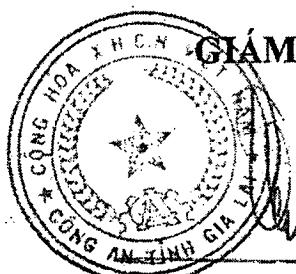
III. ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG ĐÓNG GÓP CỦA NGƯỜI NỘP, HIỆU QUẢ THU LỆ PHÍ

Mức thu lệ phí cư trú theo đề án này được xây dựng phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Gia Lai, có sự so sánh với các tỉnh Tây nguyên, đã tính đến việc miễn lệ phí cư trú cho một số đối tượng, kế thừa mức thu lệ phí của Nghị quyết số 50. Do đó, đảm bảo khả năng đóng góp của người dân, thu lệ phí hiệu quả, ổn định.

Công an tỉnh đề nghị Sở Tài chính thẩm định, xây dựng Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- PV01;
- Lưu: VT, PC06. *(ký)*



Thiếu tướng Rah Lan Lâm